

OptiPlex 5050 Tower

Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat

Guía de inicio rápido

Hướng dẫn khởi động nhanh

دليل البدء السريع



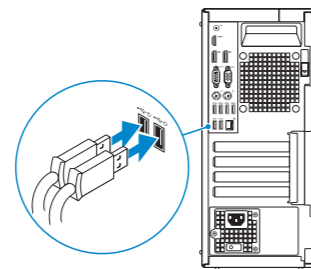
1 Connect the keyboard and mouse

Menyambungkan keyboard dan mouse

Conecte el teclado y el mouse

Kết nối bàn phím và chuột

قم بتوصيل لوحة المفاتيح والماوس



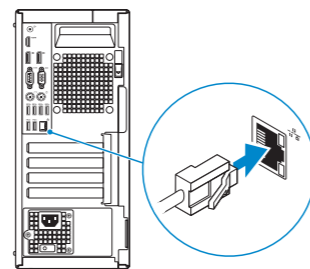
2 Connect the network cable — optional

Sambungkan kabel jaringan — opsional

Conecte el cable de red (opcional)

Kết nối dây cáp mạng - tùy chọn

قم بتوصيل كبل الشبكة - اختياري



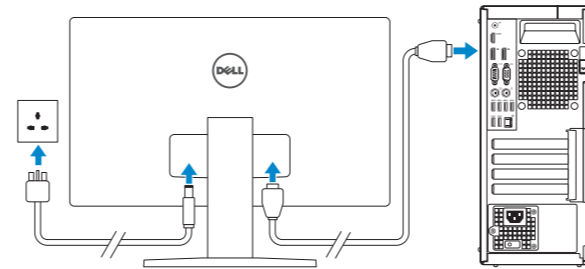
3 Connect the display

Sambungkan display

Conecte la pantalla

Kết nối màn hình hiển thị

توصيل الشاشة



NOTE: If you ordered your computer with a discrete graphics card, connect the display to the discrete graphics card.

CATATAN: Jika Anda memesan komputer dengan kartu grafis diskret, sambungkan display ke kartu grafis diskret.

NOTA: Si encargó su equipo con una tarjeta de gráficos discretos, conecte la pantalla al conector en la tarjeta de gráficos discretos.

GHI CHÚ: Nếu bạn đã đặt hàng máy tính của mình với card đồ họa chuyên dụng, hãy kết nối màn hình với card đồ họa chuyên dụng đó.

ملاحظة: في حالة قيامك بشراء بطاقة رسومات منفصلة أثناء شراء الكمبيوتر، قم بتوصيل الشاشة ببطاقة الرسومات المنفصلة.

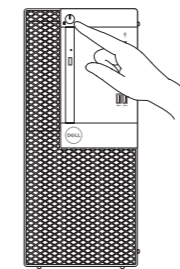
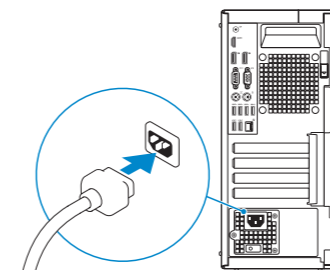
4 Connect the power cable and press the power button

Sambungkan kabel daya dan tekan tombol daya

Conecte el cable de alimentación y presione el botón de encendido

Đấu nối với cáp nguồn và nhấn nút nguồn

صل كبل التيار واضغط على زر التشغيل

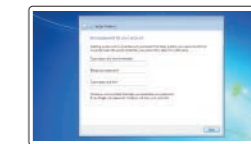


5 Finish operating system setup

Tuntaskan penataan sistem operasi | Finalice la configuración del sistema operativo

Kết thúc thiết lập hệ điều hành | إنهاء إعداد نظام التشغيل

Windows 7



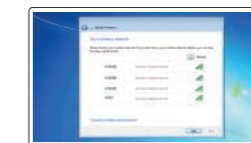
Set a password for Windows

Atur kata sandi untuk Windows

Establezca una contraseña para Windows

Cài mật khẩu cho Windows

إعداد كلمة المرور لنظام Windows



Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conéctese a una red

Kết nối vào mạng của bạn

التوصيل بالشبكة

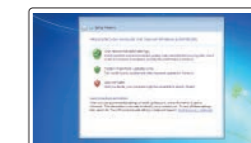
NOTE: If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

CATATAN: Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

NOTA: Si se conecta a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña de acceso a la red inalámbrica cuando se le solicite.

GHI CHÚ: Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

ملاحظة: في حالة اتصالك بشبكة لاسلكية مؤمنة، أدخل كلمة المرور لوصول الشبكة اللاسلكية عند مطالبتك.



Protect your computer

Lindungi komputer Anda

Proteja el equipo

Bảo vệ máy tính của bạn

حماية الكمبيوتر

Ubuntu

Follow the instructions on the screen to finish setup.

Ikuti petunjuk pada layar untuk menyelesaikan pengaturan.

Siga las instrucciones en pantalla para finalizar la configuración.

Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất việc thiết lập.

اتبع الإرشادات التي تظهر على الشاشة لإنهاء عملية الإعداد.

Product support and manuals

Manual dan dukungan produk
Manuales y soporte técnico de productos
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn
دعم المنتج والدلائل

Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell
Liên hệ Dell | Dell الاتصال بـ

Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

Regulatory model

Model regulatori | Modelo normativo
Model quy định | الموديل التنظيمي

Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo
Loại quy định | النوع التنظيمي

Computer model

Model komputer | Modelo de equipo
Model máy tính | موديل الكمبيوتر

[Dell.com/support](https://www.dell.com/support)

[Dell.com/support/manuals](https://www.dell.com/support/manuals)

[Dell.com/support/windows](https://www.dell.com/support/windows)

[Dell.com/contactdell](https://www.dell.com/contactdell)

[Dell.com/regulatory_compliance](https://www.dell.com/regulatory_compliance)

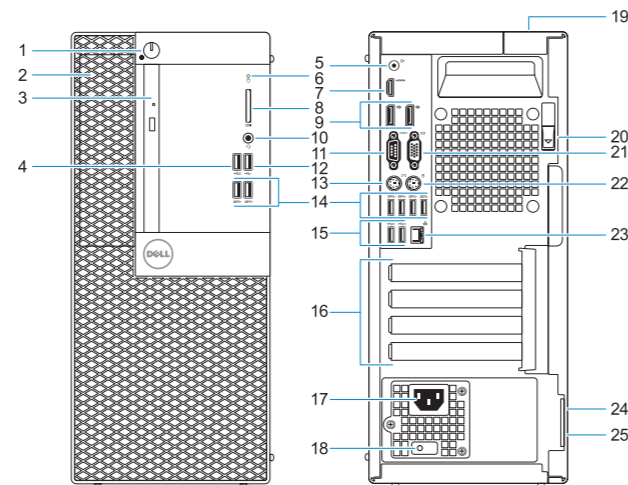
D18M

D18M003

OptiPlex 5050 Tower

Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



1. Power button and power light
2. 5.25-inch external bay
3. Optical drive (optional)
4. USB 2.0 port with PowerShare
5. Line-out port
6. Hard drive activity light
7. HDMI port
8. Memory card reader (optional)
9. DisplayPort
10. Headset port
11. Serial port
12. USB 2.0 port
13. PS/2 keyboard port

14. USB 3.0 ports
15. USB 2.0 ports (supports Smart Power On)
16. Expansion card slots
17. Power connector port
18. Power supply diagnostic light
19. Cable cover lock slot
20. Release latch
21. VGA port (optional)
22. PS/2 mouse port
23. Network port
24. Kensington security cable slot
25. Padlock ring

1. Indicador luminoso de alimentación y del botón de encendido
2. Compartimento externo de 5,25 pulgadas
3. Unidad óptica (opcional)
4. Puerto USB 2.0 con PowerShare
5. Puerto de línea de salida
6. Indicador de actividad del disco duro
7. Puerto HDMI
8. Lector de tarjetas de memoria (opcional)
9. DisplayPort
10. Puerto para auriculares
11. Puerto serie
12. Puerto USB 2.0
13. Puerto para teclado PS/2

14. Puertos USB 3.0
15. Puertos USB 2.0 (compatibles con Smart Power On)
16. Ranuras para tarjetas de expansión
17. Puerto del conector de alimentación
18. Indicador luminoso de diagnóstico de la fuente de alimentación
19. Ranura de bloqueo de la cubierta del cable
20. Pasador de liberación
21. Puerto VGA (opcional)
22. Puerto para mouse PS/2
23. Puerto de red
24. Ranura para cable de seguridad Kensington
25. Anillo del candado

14. منافذ USB 3.0
15. منافذ USB 2.0 (تُدعم التشغيل الذكي)
16. فتحات بطاقة توسيع
17. منفذ موصل التيار
18. مصباح تشخيص الإمداد بالتيار
19. فتحة قفل غطاء الكابل
20. مزلاج التحريك
21. منفذ VGA (اختياري)
22. منفذ ماوس PS/2
23. منفذ الشبكة
24. فتحة كابل الأمان Kensington
25. حلقة القفل

1. زر التشغيل ومصباح التيار
2. فتحة خارجية 5.25 بوصة
3. محرك أقراص ضوئية (اختياري)
4. منفذ USB 2.0 مزود بـ PowerShare
5. منفذ الخرج
6. مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
7. منفذ HDMI
8. قارئ بطاقة الذاكرة (اختياري)
9. منفذ isplayPort
10. منفذ سماعة الرأس
11. المنفذ التسلسلي
12. منفذ USB 2.0
13. منفذ لوحة مفاتيح PS/2

1. Tombol daya dan lampu daya
2. Bay eksternal 5,25 inci
3. Drive optik (opsional)
4. Port USB 2.0 dengan PowerShare
5. Port Jalur-keluar
6. Lampu aktivitas hard disk
7. Port HDMI
8. Pembaca kartu memori (opsional)
9. DisplayPort
10. Port headset
11. Port serial
12. Port USB 2.0
13. Port keyboard PS/2

14. Port USB 3.0
15. Port USB 2.0 (mendukung Menghidupkan Daya Pintar)
16. Slot kartu ekspansi
17. Port konektor daya
18. Lampu diagnostik catu daya
19. Slot kunci penutup kabel
20. Kait pelepas
21. Port VGA (opsional)
22. Port mouse PS/2
23. Port jaringan
24. Slot kabel pengaman Kensington
25. Ring gembok

1. Nút nguồn và đèn nguồn
2. Khoảng 5,25 inch gắn ngoài
3. Ổ đĩa quang (tùy chọn)
4. Cổng USB 2.0 với tính năng PowerShare
5. Cổng ngõ ra
6. Đèn hoạt động ổ đĩa cứng
7. Cổng HDMI
8. Đầu đọc thẻ nhớ (tùy chọn)
9. DisplayPort
10. Cổng tai nghe
11. Cổng serial
12. Cổng USB 2.0
13. Cổng bàn phím PS/2

14. Cổng USB 3.0
15. Cổng USB 2.0 (hỗ trợ Smart Power On)
16. Khe cắm card mở rộng
17. Cổng đầu nối nguồn
18. Đèn chẩn đoán cấp nguồn
19. Khe khóa nắp cáp
20. Chốt nhả
21. Cổng VGA (tùy chọn)
22. Cổng chuột PS/2
23. Cổng mạng
24. Khe cáp bảo vệ Kensington
25. Vòng gắn khóa



03JGH7A00

© 2016 Dell Inc.

© 2016 Microsoft Corporation.

© 2016 Canonical Ltd.



Printed in China.

2016-11